TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1008/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Ông Dương Văn Quí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2023/TLST-DS ngày 21/3/2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 580/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 422/2024/QĐST-DS ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 2 đường L, phường T, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Khánh D, sinh năm 1981; địa chỉ liên lạc: 332A-332B đường T, Phường Z, quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh – theo Giấy ủy quyền ngày 28/02/2023. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: 34/5A ấp T, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn Ngân hàng N, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Khánh D, trình bày:

Ngân hàng N – Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) cho ông Lê Thanh T vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất 10%/năm có điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, ông T phải

trả tiền lãi vay hàng tháng kèm 16.600.000 đồng tiền gốc vào ngày 25, mục đích mua bất động sản, theo Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-202200015 ngày 27/01/2022.

Để bảo đảm khoản vay, ông T thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 724, tờ bản đồ số 38, diện tích đất 80,1m^2, diện tích xây dựng 73,7m^2, tọa lạc tại 495/48 đường N, khu phố O, phường H, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận số CH 15101 ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, cập nhật biến động ngày 28/12/2021, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1901-LCL-2022.00013 ngày 26/01/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T thanh toán tổng số tiền 101.279.015 đồng, gồm 44.400.000 đồng nợ gốc và 56.879.015 đồng nợ lãi. Do ông Lê Thanh T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/5/2022. Tính đến ngày 30/9/2024, ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 3.811.419.821 đồng, gồm tiền nợ gốc là 2.955.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 823.472.219 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.347.601 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán ngay tổng số tiền còn nợ nêu trên; phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ; nếu ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ; nếu không đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý những tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thanh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ, xác định: nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 3.000.000.000 đồng từ ngày 27/01/2022 kèm thỏa thuận về lãi suất, lãi phạt chậm trả, bị đơn phải trả tiền lãi mỗi tháng kèm 16.600.000 đồng nợ gốc vào ngày 25; đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/5/2022 nhưng bị đơn không thanh toán; bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán; khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/5/2022 nhưng đến nay bị đơn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ; hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Căn cứ các Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466, 468, 688 BLDS 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tổ chức tín dụng có tư cách pháp nhân khởi kiện yêu cầu người vay tiền là cá nhân phải thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Việc tham gia tố tụng của đương sự: Tòa án có văn bản số 107/2024/TA-XM ngày 04/3/2024 gửi Công an phường H, Quận 12 ngày 09/4/2024 và ngày 29/7/2024, để xác minh việc cư trú tại tài sản thế chấp tọa lạc tại địa chỉ 495/48 đường N, khu phố O, phường H, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh nhưng không nhận được phản hồi. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ, căn nhà nêu trên khóa trái cổng, không thấy có người trong nhà. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở xác định ai đang thực tế quản lý sử dụng tài sản thế chấp để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: đã thực hiện theo nội dung Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2024; tài sản thế chấp là thửa đất số 724, tờ bản đồ số 28, diện tích đất 80,1m^2, diện tích xây dựng 73,7m^2, tọa lạc tại 495/48 đường N, khu phố O, phường H, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận số CH 15101 ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, cập nhật biến động ngày 28/12/2021.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, tổng số tiền 2.955.600.000 đồng:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-202200015, Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 27/01/2022, xác định ông T đã vay và nhận của Ngân hàng số tiền 3.000.000.000 đồng vào ngày 27/01/2022.

Trình bày của Ngân hàng kèm Bảng tổng hợp chi tiết tính gốc, lãi ngày 30/9/2024, xác định ông T đã thanh toán tiền gốc tổng cộng là 44.400.000 đồng, còn lại 2.955.600.000 đồng.

Mặc dù thời hạn vay là 180 tháng tính từ ngày giải ngân 27/01/2022 nhưng ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày ông T vi phạm ngày 25/5/2022 nên Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ khoản nợ

gốc còn lại là phù hợp với thỏa thuận tại khoản 5 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 của hợp đồng tín dụng đã ký. Việc ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, không tiếp tục thanh toán kể từ ngày 25/5/2022 đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã ký, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn nợ nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024, tổng số tiền là 855.819.821 đồng:

Tại Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-202200015 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 27/01/2022, hai bên tự nguyện thỏa thuận: lãi suất trong hạn là 10%/năm có điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 5% trên dư nợ lãi nhân số ngày chậm trả.

Theo trình bày của Ngân hàng kèm Bảng tổng hợp chi tiết tính gốc lãi ngày 30/9/2024, xác định ông T đã trả tiền lãi tổng cộng là 56.879.015 đồng, tiền lãi ông T còn phải trả tính đến ngày 30/9/2024 là 855.819.821 đồng gồm tiền lãi trong hạn là 823.472.219 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.347.601 đồng.

Tiền lãi nêu trên được tính theo mức lãi suất trong hạn là 10%/năm đến ngày 01/11/2022, và 11.50%/năm từ ngày 02/11/2022 đến nay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2014; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán tổng số tiền lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, ông T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả xong nợ.

[5.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1901-LCL-2022.00013 ngày 26/01/2022, xác định ông T thế chấp thửa đất số 724, tờ bản đồ số 38, diện tích đất 80,1m^2, diện tích xây dựng 73,7m^2 tại 495/48 đường N, khu phố O, phường H, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận số CH 15101 ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, cập nhật biến động ngày 28/12/2021 để bảo đảm khoản vay.

Hợp đồng thế chấp nêu trên được Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền công chứng số 000865 ngày 26/01/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 12 ngày 27/01/2022.

Như vậy, việc thế chấp là đúng quy định tại các Điều 117, 119, 295, 296, 298, 299, 317, 318, 319, khoản 1 Điều 325 và Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 nên có hiệu lực pháp luật, các bên có nghĩa vụ thi hành.

Do đó, trường hợp ông T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận tự nguyện đã ký giữa các bên tại hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ"*. Ông T không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm và Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[7] Phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 30/9/2024, phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 01/10/2024 đến khi trả xong nợ; nếu đến hạn mà ông T không thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[8] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng nên bị đơn phải thanh toán lại số tiền này cho nguyên đơn.

[9] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 295, 296, 298, 299, 317, 318, 319, khoản 1 Điều 325, Điều 351 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ các Điều 7, 8, 10, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Lê Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 30/9/20224 là 3.811.419.821 đồng, gồm tiền nợ gốc là 2.955.600.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 823.472.219 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.347.601 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-202200015 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 27/01/2022.

2. Ngay sau khi ông Lê Thanh T thanh toán xong khoản nợ nêu trên, Ngân hàng N phải trả lại cho ông Lê Thanh T 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 617382, số vào sổ cấp GCN: CH 15101 ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, cập nhật biến động ngày 28/12/2021.

3. Nếu đến hạn mà ông Lê Thanh T không thanh toán, Ngân hàng N được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là thửa đất số 724, tờ bản đồ số 38, diện tích đất 80,1m^2, diện tích xây dựng 73,7m^2 tọa lạc tại 495/48 đường N, khu phố O, phường H, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 617382, số vào sổ cấp GCN: CH 15101 ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh, cập nhật biến động ngày 28/12/2021, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1901-LCL-2022.00013 ngày 26/01/2022 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán các khoản nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý những tài sản khác thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông Lê Thanh T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thanh T có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Thanh T phải chịu số tiền 108.228.396 đồng, thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 48.500.559 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0015956 ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.